

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/HS-PT  
Ngày: 14-8-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Phước Hưng

Ông Thái Văn Chấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T:

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Trần Thanh T**, sinh năm 2000 tại huyện T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1972 và Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Văn Đ là luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. Địa chỉ: số E đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Có mặt)

*Người bị hại:* Trần Văn T2, sinh năm 2004. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

*Người đại diện của bị hại Trần Văn T2:* Anh Trần Công K, sinh năm 1981 (là cha ruột). Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

*(Trong vụ án còn có bị cáo Lê Thanh T3, người đại diện hợp pháp cho bị*

*cáo Lê Thanh T3 không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/5/2022, Lê Thanh T3 sinh ngày 19/5/2005, nghi ngờ việc Trần Văn T2 sinh ngày 10/11/2004 nhắn tin chửi T3 trên Facebook nên T3 nảy sinh ý định tìm T2 đánh nhau. Để thực hiện, T3 rủ Trần Thanh T cùng tham gia thì T đồng ý; T3 lấy cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm đưa T cầm và điều khiển xe mô tô biển số 67M1-797.38 chở T đến quán nước của Trần Thị L tại ấp T, xã B, huyện T tìm T2. Tại đây, T3 hỏi T2 sao chửi T3 và bảo T2 lên xe để T3 chở đến nơi khác nói chuyện, nhưng T2 không đồng ý. T cầm dao tự chế đặt lên vai T2, tay trái túm cổ áo kéo T2 lên xe, đặt T2 ngồi giữa để T cầm điều khiển xe chở cả ba đến khu vực vắng người tại khóm Đ, thị trấn N, huyện T.

Đến nơi, T3 kêu T2 ngồi xuống đường, rồi lấy cây dao trên tay T đang cầm trên tay phải, dùng chân đá liên tục 03 cái trúng vào mặt, ngực T2 gây sây sát nhẹ và yêu cầu T2 đưa điện thoại hiệu Vsmart Active 3 cho T3 kiểm tra, lo sợ bị T3 tiếp tục đánh, chém nên T2 lấy điện thoại đưa cho T3. Khi đó, T3 xem nhưng không phát hiện tin nhắn T2 chửi T3, lúc này T3 nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại nên lên xe định chạy đi thì T2 xin nhận lại điện thoại, T3 cầm dao quay lại đe dọa chém T2 thì T can ngăn, bảo trả lại điện thoại cho T2 nhưng T3 không đồng ý và điều khiển xe chở T về nhà, còn T2 đến Công an thị trấn N trình báo.

Riêng, T3 sau đó bán lại điện thoại trên cho một người đàn ông không rõ họ, tên, địa chỉ với giá 800.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết; trong quá trình lần trốn T3 đã ném bỏ cây dao.

Ngày 17/8/2022, 22/12/2022, T3, T bị khởi tố, điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS, 80/KL-HĐĐGTS ngày 22/7/2022, 21/10/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, ghi nhận: điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Active 3 trị giá 2.450.000 đồng; sim điện thoại 0862441235 trị giá 50.000 đồng. Tổng trị giá 2.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSTS-HS, ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Thanh T3 về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và tội “*Bắt người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội “*Bắt người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T3 (Tâm L1) 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T3 (Tâm Lùn) 01 năm 06 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”

Áp dụng Điều 55, Điều 103 Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên bố tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 67M1-797.38, màu xanh, nhãn hiệu Suzuki Satria, số máy: CGM-602997; số khung: MH8DL11ANLJ102979 (đã qua sử dụng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/6/2023 bị cáo Trần Thanh T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và xin được nhận lại xe mô tô biển số 67M1-797.38

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trần Thanh T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bị cáo mới cưới vợ nhưng chưa đăng ký kết hôn, hiện tại vợ bị cáo đang mang thai cần người chăm sóc, khi xảy ra sự việc bị cáo đã tích cực can ngăn hạn chế thiệt hại xảy ra. Xe mô tô biển số 67M1-797.38 là phương tiện kiếm sống duy nhất của gia đình; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về gia đình.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Trần Thanh T kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất vụ án, xét xử bị cáo Trần Thanh T về tội “Bắt người trái pháp luật” và tuyên phạt mức án 02 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Đối với xe mô tô biển số 67M1-797.38, quá trình điều tra thể hiện biết bị cáo T3 đi tìm đánh T2 nhưng bị cáo vẫn dùng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội, cấp sơ thẩm tuyên tịch thu, sung ngân sách nhà nước là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phan Văn Đ là người bào chữa cho bị cáo có ý kiến trình bày: Thông nhất về tội danh. Về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, đã bồi thường khắc phục xong, sau khi xét xử sơ thẩm bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Có thể xem đây là tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo chỉ là người giúp sức, bị rủ rê, không có sự bàn bạc trước và bị cáo đã có hành vi ngăn cản không cho T3 đánh, lấy điện thoại của T2. Đối với chiếc xe mô tô là do cha mẹ bị cáo đã xuất tiền mua cho bị cáo để làm phương tiện đi làm. Bị cáo là lao động chính trong gia đình. Trong vụ án này, bị cáo đã ngăn chặn làm hậu quả thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường xong thiệt hại, bị cáo đã tự thú, thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm a, b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, có thể xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị cáo Trần Thanh T kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] *Về nội dung:*

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thanh T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Thanh T3, người bị hại, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS, 80/KL-HĐĐGTS ngày 22/7/2022, 21/10/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định:

Ngày 30/5/2022, Lê Thanh T3 và Trần Thanh T đã có hành vi dùng dao tự chế, dùng tay đe dọa, túm cổ áo của Trần Văn T2 sinh ngày 10/11/2004 (dưới 18 tuổi) nhằm khống chế, bắt T2 lên xe mô tô biển số 67M1-797.38 chở đến khu vực vắng người thuộc khóm Đ, thị trấn N, huyện T. Riêng, T3 còn sử dụng chân, dao tự chế bằng kim loại dài 60cm đánh, đe dọa tấn công làm T2 hoảng sợ, không thể chống cự được để chiếm đoạt điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Active 3 và sim điện thoại 0862441235, tổng trị giá 2.500.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thanh T3 về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và tội “*Bắt người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thanh T phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T:*

[3.1] Về phần hình phạt: Bị cáo đứng trước tòa là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức để phân biệt đúng, sai, việc nào nên làm và không nên làm. Bản thân bị cáo lớn tuổi hơn bị cáo T3, nhưng khi được bị cáo T3 rủ đi tìm T2 để đánh, bị cáo đã không khuyên ngăn mà đồng ý ngay. Mặc dù bị cáo không tham gia và đã ngăn cản không cho bị cáo T3 cướp điện thoại của T2 nhưng bị cáo là người cầm dao ngồi sau xe cho bị cáo T3 chở đi tìm T2. Khi gặp T2, bị cáo đã cầm dao khống chế, buộc T2 lên xe để T3 chở đến nơi vắng người. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, tuyên phạt Trần Thanh T 02 năm tù là thỏa đáng; mức án trên là cần thiết để giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không nêu được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với những gì án sơ thẩm nhận định nên không có cơ sở xem xét. Do đó, cần giữ nguyên án sơ thẩm như quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên.

[3.2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T xin được nhận lại xe mô tô biển số 67M1-797.38, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra thể hiện, mặc dù biết T3 rủ đi tìm T2 để đánh nhưng bị cáo vẫn sử dụng xe mô tô này làm phương tiện cùng T3 đi tìm và bắt T2 đưa đến nơi vắng người tạo điều kiện cho T3 cướp điện thoại của T2. Như vậy, đây là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội; cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước đối với xe mô tô này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do vậy, không có căn cứ xem xét, chấp nhận kháng cáo yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 67M1-797.38 của bị cáo Trần Thanh T.

[3.3] Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bị cáo T bị truy tố tội “Bắt người trái pháp luật” theo điểm e khoản 2 điều 157 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù (là tội phạm nghiêm trọng) cho nên không thuộc trường hợp “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Và hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành khi bị cáo cùng với T3 dùng dao khống chế đưa người bị hại lên xe chở đi; còn đối với việc bị cáo ngăn cản bị cáo T3 lấy điện thoại, đánh người bị hại cho nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã không khởi tố T cùng đồng phạm với T3 về hành vi “Cướp tài sản”. Do đó, không có cơ sở để xem xét áp dụng tình tiết “*Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” cho bị cáo. Còn đối với tình tiết “*Người phạm tội đã bồi thường xong thiệt hại*” thì số tiền người bị hại được nhận là do bị cáo T3 tác động gia đình bồi thường chứ không phải do bị cáo T bồi thường. Ngoài ra, sau khi sự việc xảy ra, người bị hại đã đến cơ quan Công an trình báo do đó không có căn cứ áp dụng tình tiết “*Người phạm tội tự thú*” cho bị cáo như Luật sư đề nghị. Còn đối với các tình tiết giảm nhẹ khác Luật sư đề nghị đã được cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình; do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 67M1-797.38, màu xanh, nhãn hiệu Suzuki Satria, số máy: CGM-602997; số khung: MH8DL11ANLJ102979 (đã qua sử dụng) hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKSTS, ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn.

Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện T.;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T.;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện T.;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa Hình sự; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**